

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HOÀ
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

V/v: "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Thanh Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Cương và ông Bé Bình An.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lục Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà tham gia phiên toà:* bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 236/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Phùng Thị M** - sinh năm 1985.

Địa chỉ: xóm L, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* **Đào Văn D** – Sinh năm 1989.

Địa chỉ: xóm L, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q. Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Phan T, chức vụ Giám đốc ủy quyền cho bà Đặng Thị Ngọc L, chức vụ Phó Giám đốc tham gia tố tụng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Đào Văn D trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q vào ngày 26/8/2020. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh

phúc, nhưng đến năm 2013 anh D không giúp tôi làm ăn, kiếm tiền nuôi con mà thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, chung sống với rất nhiều người phụ nữ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Nay tôi yêu cầu ly hôn anh Đào Văn D.

- Về con chung: Có 06 người con chung: (1) Đào Thị M1 - sinh ngày 13/5/2005; (2) Đào Thị P – sinh ngày 04/11/2006; (3) Đào Thị S – sinh ngày 23/02/2008; (4) Đào Văn H – sinh ngày 12/7/2015; (5) Đào Thị Í – sinh ngày 15/12/2017; (6) Đào Văn N – sinh ngày 18/10/2023. Hiện nay 02 con lớn đã lập gia đình và ở riêng. Còn 04 con (Đào Thị S; Đào Văn H; Đào Thị Í; Đào Văn N) đang ở với tôi, khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, ăn học, không yêu cầu anh Đào Văn D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi cùng vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q 40 triệu đồng để phát triển kinh tế gia đình. Khi ly hôn tôi yêu cầu anh Đào Văn D phải trả nợ toàn bộ cho Ngân hàng 40 triệu đồng và lãi vì tôi đã tự nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[2] Đối với bị đơn Đào Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án đã khai: (1) Nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị M; (2) Nhất trí với nguyện vọng của chị Phùng Thị M về con chung và vấn đề không yêu cầu cấp dưỡng; (3) Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; (4) Yêu cầu chia đôi khoản nợ đã vay 40 triệu đồng và lãi ở Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q. Sau đó mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến tham gia tố tụng.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng) nêu ý kiến: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000721047066 của hộ gia đình bà Phùng Thị M (là người đứng tên vay vốn), vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q 40.000.000 đồng, ngày vay 19/7/2021, ngày đáo hạn trả nợ 19/7/2026. Tính đến ngày 10/10/2024 tổng số tiền nợ là 47.299.429 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 7.299.429 đồng). Tuy chưa đến hạn trả nợ, nhưng khách hàng vay vốn không trả lãi theo quy định. Vì vậy đề nghị Tòa xác định nghĩa vụ trả nợ của ông Đào Văn D và bà Phùng Thị M khi vợ chồng ly hôn.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không hợp tác, cho nên nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa ngày 11/3/2025 bị đơn Đào Văn D tiếp tục vắng mặt không có lý do nên phiên tòa phải hoãn.

[5] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt và đã nêu rõ ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; (1) Ly hôn với Đào Văn D; (2) Trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng; (3) Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; (4) Yêu cầu anh Đào Văn D phải trả nợ toàn bộ cho Ngân hàng 40 triệu đồng và lãi vì chị M đã tự nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai, điều đó thể hiện anh D cố tình lẩn tránh, đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp

của mình đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, vì vậy Tòa án sẽ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng) có đơn xét xử vắng mặt và đã nêu rõ ý kiến: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000721047066 của hộ gia đình bà Phùng Thị M (là người đứng tên vay vốn), vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q 40.000.000 đồng, ngày vay 19/7/2021, ngày đáo hạn trả nợ 19/7/2026. Tính đến ngày 10/10/2024 tổng số tiền nợ là 47.299.429 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 7.299.429 đồng). Tuy chưa đến hạn trả nợ, nhưng khách hàng vay vốn không trả lãi theo quy định. Vì vậy đề nghị Tòa xác định nghĩa vụ trả nợ của ông Đào Văn D và bà Phùng Thị M khi vợ chồng ly hôn.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các Điều 28, 35, 68, 70-72, 93-98, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 115, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 và điểm a khoản 5, 6 Điều 27, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhận thấy:

+ Về tình cảm: Chị Phùng Thị M và anh Đào Văn D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả hai cùng nhất trí ly hôn;

+ Về con chung: Xét nguyện vọng của các cháu (Đào Thị S; Đào Văn H; Đào Thị Í) muốn được ở với mẹ (chị M). Mặc dù nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nhưng xét hoàn cảnh cũng như để bảo đảm quyền lợi của các con. Yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi con là 01 triệu đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Hai bên xác nhận có nợ chung ở Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q 40 triệu đồng. Yêu cầu chia đôi khoản nợ mỗi người có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng theo quy định.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, xem xét giải quyết cấp dưỡng và nợ chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Q, tỉnh Cao Bằng; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng) có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa xác định nghĩa vụ trả nợ của anh Đào Văn D và chị Phùng Thị M khi vợ chồng ly hôn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phùng Thị M và anh Đào Văn D xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên thuận tình ly thân. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Xét nguyện vọng của các cháu (Đào Thị S; Đào Văn H; Đào Thị Í) muốn được ở với mẹ là phù hợp với yêu cầu của chị Phùng Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Xét hoàn cảnh và điều kiện cần buộc anh Đào Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 01 triệu đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Đối với khoản nợ 40.000.000 đồng ở Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, hai bên đều xác định là nợ chung, do đó cần buộc anh Đào Văn D và chị Phùng Thị M có trách nhiệm mỗi người trả nợ một nửa tiền nợ gốc và lãi theo quy định.

2.4. Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải chịu án phí theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5, 6 Điều 27, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phùng Thị M. Chị Phùng Thị M được ly hôn với anh Đào Văn D. Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2020 ngày 26/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Đào Thị S – sinh ngày 23/02/2008; Đào Văn H – sinh ngày 12/7/2015; Đào Thị Í – sinh ngày 15/12/2017; Đào Văn N – sinh ngày 18/10/2023 cho chị Phùng Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc

anh Đào Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Các bên có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về nợ chung: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000721047066 ngày vay 19/7/2021 của hộ gia đình bà Phùng Thị M đã ký vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q 40.000.000 đồng ngày đáo hạn trả nợ 19/7/2026. Anh Đào Văn D phải có trách nhiệm trả nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q theo quy định. Chị Phùng Thị M phải có trách nhiệm trả nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q quy định.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị M không phải chịu án phí. Anh Đào Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và 1.000.000 đồng án phí có giá ngạch, tổng cộng anh Đào Văn D phải chịu 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đương sự được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THA DS huyện QH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp